

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 04 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chuyển vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương 5 năm giai
đoạn 2021 - 2025 và năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 30**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ
chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 ban hành
nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và
hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số
68/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số
22/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân
tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn
2021-2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của Hội đồng nhân
dân tỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm
2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Quảng Trị về bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày
31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức
phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu*

số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chuyển vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các phụ lục 01, 02, 03 đính kèm.

Các nội dung khác thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, danh mục và địa bàn thực hiện dự án; có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn hiệu quả trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, Dân tộc và Tôn giáo;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, DT&TG
- KBNN khu vực XI;
- TT HĐND, UBND các huyện : Đakrông, Vĩnh Linh, Cam Lộ ;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Phụ lục 01

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 30/NQ- HĐND ngày 29/6/2022 và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	582.734	14.616	-14.616	582.734	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	166.394	2.374	-1.057	167.711	
	Huyện Hướng Hóa	88.490			88.490	
	Huyện Đakrông	54.604			54.604	
	Huyện Cam Lộ	1.656		-1.057	599	
	Huyện Gio Linh	12.942			12.942	
	Huyện Vĩnh Linh	8.702	2.374		11.076	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	81.769	0	-13.559	68.210	
	Huyện Hướng Hóa	28.160			28.160	
	Huyện Đakrông	44.628		-10.594	34.034	
	Huyện Vĩnh Linh	8.981		-2.965	6.016	

ma

TT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	334.571	12.242	0	346.813	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	334.571	12.242	0	346.813	
	Huyện Hướng Hóa	174.183			174.183	
	Huyện Đakrông	124.312	10.594		134.906	
	Huyện Cam Lộ	1.433	1.057		2.490	
	Huyện Gio Linh	10.443			10.443	
	Huyện Vĩnh Linh	24.200	591		24.791	

JK *mal*



Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM GIAI ĐOẠN 2025 (Đợt 1)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí năm 2025 (đợt 1) sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	120.167	8.474,0	-8.474,0	120.167	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	45.457,5	2.374,0	0,0	47.831,5	
	Huyện Hướng Hóa	27.350,5			27.350,5	
	Huyện Đakrông	13.290,0			13.290,0	
	Huyện Gio Linh	4.634,0			4.634,0	
	Huyện Vĩnh Linh	183,0	2.374,0		2.557,0	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	23.873,0	0,0	-2.965,0	20.908,0	
	Huyện Hướng Hóa	13.197,0			13.197,0	
	Huyện Đakrông	7.119,0			7.119,0	
	Huyện Vĩnh Linh	3.557,0		-2.965,0	592,0	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	45.327,5	6.100,0	0,0	51.427,5	

mau

TT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ-HĐND ngày	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí năm 2025 (đợt 1) sau điều chỉnh	Ghi chú
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	45.327,5	6.100,0	0,0	51.427,5	
	Huyện Hướng Hóa	25.317,5	2.722,0		28.039,5	
	Huyện Đakrông	17.961,0	2.077,0		20.038,0	
	Huyện Gio Linh	521,0			521,0	
	Huyện Vĩnh Linh	1.528,0	1.301,0		2.829,0	
IV	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình	5.509,0	0,0	-5.509,0	0,0	
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.509,0	0,0	-5.509,0	0,0	
	Huyện Vĩnh Linh	509,0		-509,0	0,0	
	Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	5.000,0		-5.000,0	0,0	



Phụ lục 03

DANH MỤC ĐỊA BÀN CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Địa bàn xã/thị trấn	Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 (theo các Quyết định có thẩm quyền)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
				Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng cộng			14.616	-14.616	
I	DỰ ÁN GIẢM VỐN		26.527	0	-14.616	11.911
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		1.656	0	-1.057	599
	Huyện Cam Lộ	Cam Tuyền	1.656		-1.057	599
2	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết		24.871	0	-13.559	11.312
2.1	Huyện Đakrông		21.906	0	-10.594	11.312
-	Định canh định cư xã Ba Nang	Ba Nang	9.090		-9.090	0
-	Định canh định cư xã A Vao	A Vao	12.816		-1.504	11.312
2.2	Huyện Vĩnh Linh		2.965	0	-2.965	0
	<i>Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô:</i>		2.965	0	-2.965	0

muc

STT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Địa bàn xã/thị trấn	Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 (theo các Quyết định có thẩm quyền)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
				Tăng (+)	Giảm (-)	
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Công trình nước sinh hoạt tập trung ổn định dân cư xóm 9 thôn Mít	Vĩnh Ô	1.000		-1.000	0
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường liên thôn Mít	Vĩnh Ô	1.000		-1.000	0
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường giao thông ra khu sản xuất xóm 7 thôn Mít	Vĩnh Ô	965		-965	0
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN		2.591	14.616	0	16.696
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH		2.080	2.374	0	4.454
	Huyện Vĩnh Linh		2.080	2.374	0	4.454
	<i>Nội dung số 07: Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>		0	1.814		1.814
	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Xà Nin, xã Vĩnh Ô	Vĩnh Ô	520	301		821

STT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Địa bàn xã/thị trấn	Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 (theo các Quyết định có thẩm quyền)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
				Tăng (+)	Giảm (-)	
	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Lèn (điểm dân cư số 1), xã Vĩnh Ô	Vĩnh Ô	0	770		770
	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Lèn (điểm dân cư số 2), xã Vĩnh Ô	Vĩnh Ô	0	743		743
	<i>Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở:</i>		2.080	560		2.640
	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới ở xã Vĩnh Khê	Vĩnh Khê	1.160	440		1.600
	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Hà	Vĩnh Hà	920	120		1.040
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu; Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			12.242	0	12.242
2.2	Huyện Đakrông		0	10.594	0	10.594
-	Cấp nước sạch tập trung thôn A Rông Dưới, xã A Ngo	A Ngo		402		402
-	Cấp nước tập trung thị trấn Krông Klang	Krông Klang		760		760
-	Cấp nước tập trung các thôn xã Hướng Hiệp.	Hướng Hiệp		1.200		1.200
-	Cấp nước tập trung thôn Cựp, xã Húc Nghi	Húc Nghi		400		400

mai B

STT	Danh mục Dự án/Tiểu dự án	Địa bàn xã/thị trấn	Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 (theo các Quyết định có thẩm quyền)	Điều chỉnh		Kế hoạch bố trí giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
				Tăng (+)	Giảm (-)	
-	Sửa chữa công trình cấp nước liên thôn Ấng Công – Kỳ Ne – A Ngo	A Ngo		1.250		1.250
-	Sửa chữa nước sinh hoạt các thôn Ly Tôn, Tà Lao, Chai, xã Tà Long	Tà Long		1.100		1.100
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt tập trung tại 02 thôn Sa Trầm và Ra Poong, xã Ba Nang	Ba Nang		1.030		1.030
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước các thôn Húc Nghi, La Tó, xã Húc Nghi	Húc Nghi		800		800
-	Sửa chữa nước sinh hoạt Ở Ở và thôn Khe Luồi, xã Mò Ó	Mò Ó		530		530
-	Sửa chữa công trình cấp nước các thôn A Liêng và A Đăng, xã Tà Rụt	Tà Rụt		1.020		1.020
-	Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt khu tái định cư Chân Rò-Klu, xã Đakrông	Đakrông		1.270		1.270
-	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt các thôn Gia Giã và Ruộng, xã Hướng Hiệp	Hướng Hiệp		832		832
2.3	Huyện Cam Lộ			1.057	0	1.057
	Đường vào vùng sản xuất thôn Bản Chùa, xã Cam Tuyền	Cam Tuyền		1.057		1.057
2.4	Huyện Vĩnh Linh		0	591	0	591
	Bê tông hóa đường ra đập Mixi thôn Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	Vĩnh Ô	0	591		591

